

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT Ở HUYỆN HÀ CHÂU, TỈNH HÀ TIÊN QUA NGHIÊN CỨU TƯ LIỆU ĐỊA BẠ NĂM MINH MẠNG THỨ 17 (1836)

THE USE OF FIELD AND LAND IN HA CHAU DISTRICT, HA TIEN PROVINCE THROUGH STUDYING CADASTRAL REGISTERS OF MINH MANG DYNASTY 17 (1836)

Bùi Hoàng Tân

Trường Đại học Cần Thơ; bhtan@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên là một trong những vùng đất mới được khai phá, tuy có diện tích lãnh thổ tương đối lớn nhưng diện tích canh tác thực sự chưa nhiều. Thông qua nguồn tư liệu địa bạ triều Nguyễn đã góp phần phản ánh tình hình sử dụng ruộng đất của huyện Hà Châu chủ yếu trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở đó, bài báo đã khái quát những nét đặc trưng trong cơ cấu sử dụng ruộng đất của huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên so với các khu vực khác ở Nam Kỳ. Ở một khía cạnh khác, bài báo còn gợi mở hướng nghiên cứu mới về vấn đề chủ quyền lãnh thổ quốc gia ở vùng biên giới Tây Nam Việt Nam dưới triều Nguyễn trong mối quan hệ với Chân Lạp và Xiêm ở nửa đầu thế kỉ XIX.

Từ khóa - huyện Hà Châu; tỉnh Hà Tiên; địa bạ; ruộng đất; Minh Mạng

Abstract - Ha Chau district, Ha Tien province is one of the newly explored lands. Although the area is relative large, the area of cultivation is not much. Through cadastral registers of Nguyen dynasty, it has contributed to reflecting the use of field and land of Ha Chau district mainly in agricultural production. Based on this, this paper has outlined the features of the land use structure of Ha Chau district, Ha Tien province compared to other areas in Cochinchina. In another perspective, this paper would be significant in suggesting new study on the national sovereignty in the Southwest Vietnam frontier in the relationship with Chan Lap and Siam in the first half of the 19th century.

Key words - Ha Chau district; Ha Tien province; cadastral registers; field and land; Minh Mang dynasty

1. Đặt vấn đề

Trước thế kỉ XIX, huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên vốn là vùng đất biên giới còn hoang sơ và đầy thách thức đối với quá trình khai hoang. Tuy nhiên, sang nửa đầu thế kỉ XIX, thì phần lớn diện tích đất đai đã được khai khẩn và canh tác nông nghiệp, do vậy đã góp phần làm thay đổi diện mạo tự nhiên nơi này. Vì thế, việc nghiên cứu tình hình sử dụng ruộng đất huyện Hà Châu ở nửa đầu thế kỉ XIX nhằm góp phần làm sáng tỏ đặc điểm tình hình quản lý đất đai của triều Nguyễn ở vùng đất biên giới trọng yếu này.

2. Giải quyết vấn đề

Bài viết dựa trên phương pháp nghiên cứu lịch sử kết hợp phương pháp logic. Tình hình sử dụng ruộng đất huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên ở nửa đầu thế kỉ XIX là một trong những nội dung nghiên cứu quan trọng về lịch sử địa phương. Với phương pháp nghiên cứu tiếp cận và đối chiếu nguồn tư liệu địa bạ triều Nguyễn tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I – Hà Nội, đặc biệt là 44 đơn vị địa bạ huyện Hà Châu được lập lần đầu và duy nhất vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836) thì vấn đề nghiên cứu sẽ có nhiều đóng góp về mặt khoa học. Ngoài ra, hoạt động khảo sát kết hợp với tài liệu chính sử triều Nguyễn và tư liệu lịch sử địa phương đã góp phần làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Khái quát về vùng đất Hà Châu

Hà Châu là đơn vị hành chính cấp huyện ở phía Tây Bắc, thuộc tỉnh Hà Tiên, được thiết lập vào năm 1832. Vùng đất này nhiều lần được thay đổi tên gọi và địa giới nên lịch sử duyên cớ khá phức tạp. Trước thế kỉ VII, Hà Châu thuộc địa phận vương quốc Phù Nam. Sau khi vương quốc Phù Nam sụp đổ vào khoảng thế kỉ VII (AD), vùng đất này bị người Chân Lạp tiếp quản “*Trấn Hà Tiên,*

nguyên thuộc đất của Chân Lạp, xưa gọi là đất Mang Khảm, tiếng Trung Hoa gọi là Phương Thành” [3, tr.29]. Song, họ chưa thực sự quản lý và tổ chức hoạt động canh tác, nơi này vẫn là vùng đất hoang vô chủ “*bắt đầu vào Chân Bô hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa sông của con sông lớn chạy dài hàng trăm lý, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú xum xuê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào...*” [7, tr.73].

Cuối thế kỉ XVII, Mạc Cửu vì bất mãn với triều đại Mãn Thanh (Trung Quốc) đã vượt biển về phương Nam tìm nơi định cư. Theo tác giả Trương Minh Đạt, khoảng những năm đầu thế kỉ XVIII, Mạc Cửu mới bắt đầu mở mang đất Hà Tiên, Rach Giá, Cà Mau và Phú Quốc, bao gồm cả đất đai Hà Châu sau này [3, tr.49].

Năm 1708, Mạc Cửu đã quy phục và dâng toàn bộ đất đai Hà Tiên cho chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Mạc Cửu được chúa Nguyễn Phúc Chu chấp thuận và sắc phong cho làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Từ đây, đất đai trấn Hà Tiên bao gồm cả Hà Châu chính thức thuộc chủ quyền của Việt Nam dưới thời chúa Nguyễn. Trong thế kỉ XVIII, Mạc Cửu và con là Mạc Thiên Tích đã ra sức xây dựng trấn Hà Tiên trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa thịnh vượng và sầm uất ở phía Nam của xứ Đàng Trong.

Cuối thế kỉ XVIII, vùng đất Hà Châu chịu nhiều ảnh hưởng bởi các biến động chính trị trong nước và sự xâm chiếm của Xiêm, đặc biệt là cuộc nội chiến Tây Sơn với chính quyền chúa Nguyễn. Năm 1777, chính quyền Tây Sơn đã làm chủ trấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tích đã bỏ chạy sang Xiêm cầu viện. Năm 1780, Nguyễn Ánh tái chiếm và làm chủ được toàn bộ trấn Hà Tiên. Vua Gia Long vẫn giao Mạc Tử Thiêm làm cai cơ trấn Hà Tiên “*lấy Mạc Tử Thiêm làm Cai cơ trấn thủ trấn Hà Tiên, lại ở trấn ấy. Sai gọi nhân*

dân về ở, tha bớt cho thuê đình điền” [4, tr.135]. Như vậy, dưới thời vua Gia Long, vùng đất Hà Châu vẫn thuộc quyền quản lý của trấn Hà Tiên chứ không bị sáp nhập vào dinh Vĩnh Trấn.

Năm 1825, vua Minh Mạng cho đặt huyện Hà Tiên quản lý hai tổng Hà Thanh và Hà Nhuận “*bắt đầu đặt huyện Hà Tiên, lĩnh 2 tổng (Hà Thanh và Hà Nhuận)*” [9, tr.462]. Năm 1826, cho sáp nhập huyện Hà Tiên vào phủ An Biên “*Phủ An Biên lấy ba huyện Hà Tiên, Long Xuyên, Kiên Giang lệ vào*” [9, tr.532]. Năm 1832, cho đổi tên phủ An Biên thành phủ Khai Biên và huyện Hà Tiên thành huyện Hà Châu “*tỉnh Hà Tiên: thống trị phủ Khai Biên và 3 huyện Hà Châu, Long Xuyên, Kiên Giang. Phủ Khai Biên nguyên là phủ An Biên đổi ra; huyện Hà Châu nguyên là huyện Hà Tiên đổi ra*” [10, tr.394]. Năm 1834, vua Minh Mạng cho đổi tên phủ Khai Biên thành phủ An Biên như cũ. Năm 1836, Kinh lược sứ Trương Đăng Quế theo lệnh triều đình đã tiến hành đo đạc ruộng đất và lập địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh, trong đó có huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên.

Căn cứ vào ghi chép của Đại Nam nhất thống chí, có thể xác định duyên cách huyện Hà Châu ở nửa đầu thế kỉ XIX như sau: “*huyện Hà Châu: đông tây cách nhau 27 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm, phía đông đến địa giới huyện Hà Âm tỉnh An Giang 25 dặm, phía tây giáp biển 2 dặm, phía nam giáp địa giới huyện Kiên Giang 22 dặm, phía bắc đến địa giới Cao Miên 20 dặm*” [8, tr.8]. Những ghi chép trong địa bạ huyện Hà Châu giúp chúng ta có thể xác định địa hạt quản lý của huyện Hà Châu gồm 5 tổng với 44 xã thôn: Hà Nhuận, Hà Thanh, Nhuận Đức, Thanh Di và Phú Quốc.

Căn cứ vào cách xác định “*từ cận giáp giới*” kết hợp với bản đồ [1, tr.145–181], có thể xác định địa giới của huyện Hà Châu ở nửa đầu thế kỉ XIX gồm phần đất liền và hải đảo. Phần đất liền các tổng Hà Thanh, Thanh Di, Hà Nhuận và Nhuận Đức phía Đông Bắc giáp huyện Hà Âm và Hà Dương của tỉnh An Giang, phía Tây Bắc giáp Chân Lạp, phía Tây Nam giáp biển, phía Đông Nam giáp tổng Kiên Hảo của huyện Kiên Giang, tổng Phú Quốc nằm ở vùng biển vịnh Thái Lan phía Tây Nam. Huyện Hà Châu tương ứng với địa giới của thị xã Hà Tiên, huyện Kiên Lương, huyện đảo Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang và các huyện Banteay Meas, Kampong Trach của tỉnh Kampot và huyện Kiri Vong của tỉnh Takéo và thành phố Keb thuộc lãnh thổ Campuchia ngày nay.

3.2. Tình hình sử dụng ruộng đất ở huyện Hà Châu qua tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836)

3.2.1. Ruộng đất canh tác

Huyện Hà Châu có tổng diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp là 703,5 mẫu, chiếm 22,46% diện tích ruộng đất canh tác của tỉnh Hà Tiên (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê diện tích ruộng đất canh tác huyện Hà Châu
Đơn vị tính: mẫu, sào, thước, tấc

TT	Tổng	Ruộng đất canh tác	Tỉ lệ %	
			huyện	tỉnh
1	Hà Nhuận	46.0.1.1	6,54	1,47
2	Hà Thanh	235.9.11.3	33,53	7,53
3	Nhuận Đức	88.3.14.0	12,55	2,82
4	Phú Quốc	6.0.6.8	0,85	0,19

5	Thanh Di	327.1.8.8	46,50	10,44
Tổng cộng		703.5.12.0	100%	22,46

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836) [12]

Căn cứ kết quả thống kê, diện tích ruộng đất canh tác của tổng Hà Thanh lớn nhất với 235,9 mẫu, chiếm 33,53% diện tích ruộng đất canh tác của huyện; tổng Phú Quốc có diện tích nhỏ nhất với 6 mẫu, chiếm 0,19%. Cụ thể diện tích ruộng đất canh tác theo từng tổng như sau:

Tổng Hà Nhuận có 3/5 thôn có diện tích ruộng đất canh tác. Trong đó, thôn Tiên Long có diện tích lớn nhất, 22,2 mẫu, ít nhất là thôn Hoa Giáp có 8,9 mẫu.

Tổng Hà Thanh có 5/11 thôn có diện tích ruộng đất canh tác. Thôn Thuận An diện tích lớn nhất có 130,1 mẫu; ít nhất là thôn Tân Thạnh có 6,6 mẫu.

Tổng Nhuận Đức có 7/7 thôn có diện tích ruộng đất canh tác. Trong đó, thôn Hòa Luật có diện tích lớn nhất 35,6 mẫu; ít nhất là thôn Đôn Hậu với 3,3 mẫu.

Tổng Phú Quốc: duy nhất thôn Tiên Tinh có diện tích ruộng đất canh tác với 6 mẫu.

Tổng Thanh Di có 10/11 thôn có diện tích ruộng đất canh tác. Trong đó, thôn Dương Hòa có diện tích lớn nhất với 145,4 mẫu; diện tích thôn Nam Hoa ít nhất 1,4 mẫu.

Trong nửa đầu thế kỉ XIX, diện tích canh tác nông nghiệp ở huyện Hà Châu có nhiều chuyển biến nhờ vào chính sách khẩn hoang và chú trọng về công tác thủy lợi. Thông qua địa bạ đã phản ánh hai hình thức sử dụng ruộng đất chủ yếu của huyện là canh điền và canh viên.

Canh điền là canh tác ruộng với hoạt động chủ yếu là trồng lúa. Ruộng lúa ở huyện Hà Châu phần lớn là ruộng gò, ruộng giồng mới được khai khẩn.

Canh viên là trồng vườn với các loại cây nông sản và cây ăn quả khác nhau tùy vào thổ nhưỡng từng khu vực.

Diện tích đất ruộng của huyện Hà Châu là 362,9 mẫu, chiếm 13,19% tổng diện tích đất ruộng của tỉnh Hà Tiên; diện tích đất vườn là 340,6 mẫu, chiếm 89,28% tổng diện tích đất vườn của toàn tỉnh (Bảng 2).

Bảng 2. Thống kê diện tích đất ruộng và đất vườn ở huyện Hà Châu
Đơn vị tính: mẫu, sào, thước, tấc

TT	Tổng	Diện tích đất ruộng	Tỉ lệ %	Diện tích đất vườn	Tỉ lệ %
1	Hà Nhuận	89.5.0	2,45	37.0.11.1	10,87
2	Hà Thanh	89.2.8.4	24,58	146.7.2.9	43,08
3	Nhuận Đức	56.4.1.3	15,54	31.9.12.7	9,37
4	Phú Quốc	-	0	6.0.6.8	1,78
5	Thanh Di	208.3.11.8	57,40	118.7.12.0	34,85
Tổng cộng		362.9.11.5	100	340.6.0.5	100

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836) [12]

a. Diện tích đất ruộng

Theo thống kê ở Bảng 2, tổng Thanh Di có diện tích ruộng nhiều nhất 208,3 mẫu, chiếm 57,40% diện tích ruộng của huyện. Ngược lại, địa bạ tổng Phú Quốc không ghi nhận diện tích ruộng. Các tổng Hà Nhuận có 8,9 mẫu ruộng, chiếm tỉ lệ thấp nhất huyện 2,45%; tổng Hà Thanh

có 89,2 mẫu, chiếm 15,54% tổng diện tích đất ruộng của huyện. Theo đó, huyện Hà Châu chỉ có 22/44 xã, thôn thuộc 4 tổng có diện tích ruộng (Bảng 3).

Bảng 3. Thống kê diện tích đất ruộng ở huyện Hà Châu
Đơn vị tính: mẫu, sào, thước, tấc

TT	Tổng	Thôn / xã	Diện tích	Tỉ lệ %
1	Hà Nhuận	Hoa Giáp	8.9.5.0	2,45
2	Hà Thanh	Bình An	63.2.10.5	17,42
		Tân Thạnh	2.9.9.5	0,80
		Thuận An	14.6.3.4	4,02
		Tiên Quán	8.4.0.0	2,31
3	Nhuận Đức	Cổ Tham	7.1.11.1	1,96
		Đôn Hậu	3.3.12.1	0,91
		Hòa Luật	6.1.12.0	1,68
		Lộc Thị	13.5.6.6	3,72
		Mụ Sơn	5.0.9.0	1,38
		Nhượng Lộ	17.6.7.3	4,85
		Tầm Lai	3.4.3.2	0,94
4	Thanh Di	Cần Thu	2.4.1.4	0,66
		Trác Việt	13.3.11.1	3,67
		Dương Hòa	72.3.9.2	19,92
		Nam An	6.8.6.2	1,88
		Sa Kỳ	21.6.2.7	5,95
		Trà Cầu	7.6.0.7	2,09
		Tư Ngải	8.9.12.2	2,46
		Côn Vãn	13.4.1.9	3,69
		Mông Mậu	54.8.7.4	15,10
		Thuận Đức	6.9.4.0	1,90
Tổng cộng			362.9.11.5	100

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836) [12]

Theo đó, 3 xã, thôn có diện tích ruộng lớn nhất là: thôn Dương Hòa, tổng Thanh Di có 72,3 mẫu, chiếm 19,92% tổng diện tích ruộng của huyện; thôn Bình An, tổng Hà Thanh có 63,2 mẫu, chiếm 17,42% tổng diện tích ruộng của huyện; xã Mông Mậu, tổng Thanh Di có 54,8 mẫu, chiếm 15,10% tổng diện tích ruộng của huyện. Diện tích ruộng ở các khu vực này tương đối nhiều, do đây là khu vực đất đai nằm dọc theo các sông Vĩnh Tế, Giang Thành nên thuận lợi về nguồn nước cho việc khai khẩn và trồng lúa. Đặc biệt, ruộng ở thôn Bình An phần lớn là do các cơ binh khai khẩn theo chính sách khai hoang của triều Nguyễn năm 1835: “*vua Minh Mạng sai tuần phủ Trần Chấn chọn những chỗ đất có thể cấy cấy được và đưa binh lính phòng tại Hà Tiên đến khai phá, lập đồn điền. Trần Chấn đã chọn được vùng đất hoang ở thôn Bình An, xã Mỹ Đức ở gần đồn Châu Nham*” [6, tr.54].

Phần lớn diện tích ruộng ở các thôn còn lại tương đối nhỏ dưới 10 mẫu, trong đó, thôn Tân Thạnh, tổng Hà Thanh có diện tích đất nhỏ nhất 2,9 mẫu, chiếm 0,8% tổng diện tích đất ruộng của huyện Hà Châu. Do đặc điểm tự nhiên ở các khu vực xã, thôn này “*điều kiện đất đai không thuận lợi cho nông nghiệp nên diện tích khai phá vùng Hà Tiên thật sự không nhiều. Đến đầu thế kỉ XIX, có thể người dân*

chỉ mới khai phá trồng trọt được ở quanh thị trấn Hà Tiên và dọc rạch Giang Thành” [7, tr.52].

b. Diện tích đất vườn

Căn cứ vào thống kê ở Bảng 2, huyện Hà Châu có diện tích đất vườn là 340,6 mẫu, chiếm 89,28% tổng diện tích đất vườn ở tỉnh Hà Tiên. Trong đó, tổng Hà Nhuận có diện tích đất vườn là 37 mẫu, chiếm 10,87%; tổng Hà Thanh có 146,7 mẫu, chiếm tỉ lệ 43,08%; tổng Nhuận Đức có 31,9 mẫu, chiếm 9,37%; tổng Phú Quốc có 6 mẫu, chiếm tỉ lệ 1,78%; tổng Thanh Di có 118,7 mẫu, chiếm 34,85%. Đất vườn ở huyện Hà Châu thích ứng cho việc canh tác một số loại cây trồng nhất định, được thể hiện qua Bảng 4.

Bảng 4. Thống kê diện tích đất vườn theo loại cây ở huyện Hà Châu
Đơn vị tính: mẫu, sào, thước, tấc

TT	Tổng	Đất vườn tiêu		Đất vườn dâu		Đất vườn cau	
		Diện tích	%	Diện tích	%	Diện tích	%
1	Hà Nhuận	36.4.2.1	12,78	0.6.9.0	3,93	-	0
2	Hà Thanh	111.3.4.3	39,08	-	0	30.2.9.2	86,28
3	Nhuận Đức	29.6.6.7	10,41	-	0	2.3.6.0	6,59
4	Phú Quốc	6.0.6.8	2,12	-	0	-	0
5	Thanh Di	101.4.3.5	35,61	14.8.10.8	96,07	2.4.12.7	6,89
Tổng cộng		284.8.8.4	100	15.5.4.8	100	35.0.12.9	100

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836) [12]

Tổng Hà Nhuận: Đất trồng tiêu có 36,4 mẫu, chiếm 12,78% diện tích đất trồng tiêu của huyện; trồng dâu có 0,6 mẫu, chiếm 3,93% diện tích đất trồng dâu của huyện.

Tổng Hà Thanh: Ngoài đất trồng tiêu với diện tích lớn 111,3 mẫu, chiếm 39,08%, còn có đất trồng cau với 30,2 mẫu, chiếm 86,28% diện tích trồng cau của huyện; tổng Hà Thanh có diện tích đất trồng trầu 1,5 mẫu và nơi đây có thể làm ruộng muối với diện tích 3,5 mẫu. Tất cả ruộng muối ở huyện Hà Châu đều thuộc quyền sở hữu của tư nhân. Cho đến trước khi thực dân Pháp xâm chiếm tỉnh Hà Tiên thì việc sản xuất muối vẫn được phát triển.

Tổng Nhuận Đức trồng tiêu với diện tích 29,6 mẫu, chiếm 10,41% tổng diện tích đất trồng tiêu của huyện; trồng cau với diện tích 2,3 mẫu, chiếm 6,59% tổng diện tích đất trồng cau của huyện.

Tổng Phú Quốc có diện tích trồng tiêu nhỏ với khoảng 6 mẫu, chiếm 2,11% tổng số đất trồng tiêu của huyện.

Tổng Thanh Di có diện tích trồng tiêu 101,4 mẫu, chiếm 35,61%; trồng dâu với diện tích lớn nhất huyện 14,8 mẫu, chiếm tỉ lệ 96,07%; đất trồng cau với diện tích khá nhỏ 2,4 mẫu, chiếm tỉ lệ 6,89.

Nhìn chung, đặc điểm tự nhiên huyện Hà Châu còn nhiều khó khăn trong canh tác nông nghiệp, diện tích đất đai khai khẩn chưa nhiều nên việc trồng trọt ở quy mô còn hạn chế. Tuy nhiên, diện tích đất trồng trọt ở huyện Hà Châu được khai thác khá mạnh đã tạo nên các sản phẩm nông sản tương đối đa dạng, góp phần đổi thay diện mạo

nông nghiệp nơi đây trong nửa đầu thế kỉ XIX.

3.2.2. Đất dân cư

Huyện Hà Châu có tổng diện tích đất dân cư là 35,1 mẫu, chiếm 19,23% tổng diện tích ruộng đất của huyện. Đất dân cư phân bố ở các tổng như sau (Bảng 5).

Bảng 5. Thống kê diện tích đất dân cư ở huyện Hà Châu
Đơn vị tính: mẫu, sào, thước, tấc

TT	Tổng	Đất dân cư	Tỉ lệ %
1	Hà Nhuận	2.7.1.5	7,70
2	Hà Thanh	19.2.3.8	54,70
3	Nhuận Đức	0	0
4	Phú Quốc	11.3.4.5	32,30
5	Thanh Di	1.8.7.6	5,30
Tổng cộng		35.1.2.4	100

Nguồn: Địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836) [12]

Kết quả thống kê cho thấy, diện tích đất dân cư tổng Hà Thanh là 19,2 mẫu, chiếm 54,70%, lớn nhất huyện Hà Châu; tổng Thanh Di là tổng có diện tích đất dân cư nhỏ nhất huyện với 1,8 mẫu, chiếm tỉ lệ 5,30%; duy nhất tổng Nhuận Đức không có diện tích đất dân cư. Cụ thể diện tích đất dân cư trong từng tổng như sau:

Tổng Hà Nhuận có 2/5 thôn có diện tích đất dân cư. Thôn Hoa Giáp có diện tích lớn nhất 1,2 mẫu và nhỏ nhất là thôn Tiên Phước có 0,5 mẫu.

Tổng Hà Thanh có 10/11 xã, thôn có diện tích đất dân cư. Diện tích lớn nhất là thôn Tân Thạnh với 5,7 mẫu và nhỏ nhất là thôn Bình An với 0,4 mẫu.

Tổng Phú Quốc có 9/10 thôn có diện tích đất dân cư. Thôn Dương Đông có diện tích đất dân cư lớn nhất với 4,1 mẫu và thôn Phú Đông khá ít 0,3 mẫu.

Tổng Thanh Di: Duy nhất thôn Dương Hòa có diện tích đất dân cư với 1,8 mẫu.

Nhìn chung, diện tích đất dân cư ở huyện Hà Châu tương đối ít so với diện tích ruộng đất canh tác. Tình hình dân số huyện Hà Châu ở nửa đầu thế kỉ XIX còn hạn chế do điều kiện sinh sống khó khăn, mặt khác, do ảnh hưởng bởi các biến động về chính trị - xã hội. Vì thế, đời sống dân cư không ổn định nên đã ảnh hưởng đến tỉ lệ diện tích đất dân cư nơi đây. Riêng tổng Hà Thanh có diện tích đất dân cư nhiều nhất, bởi đây là tổng trung tâm của huyện Hà Châu nên diện tích đất xây dựng nhà cửa, phố chợ... chiếm tỉ lệ cao hơn so với các khu vực khác của huyện.

3.3. Một số nhận xét chung

Qua nguồn tư liệu địa bạ huyện Hà Châu cho thấy, phần lớn đất đai nơi đây được sử dụng để trồng lúa và các loại cây nông sản. Điều đó đã góp phần phản ánh tính hiệu quả từ chính sách khai hoang và công tác thủy lợi của triều Nguyễn đối với nông nghiệp ở huyện Hà Châu. Qua đó còn nói lên quá trình lao động bền bỉ và đầy gian khổ của các cộng đồng dân cư nơi đây, đã biến những vùng hoang vu, đầm lầy thành nơi canh tác trù phú. Tuy nhiên, trong phân bố đất đai có sự chênh lệch giữa diện tích ruộng đất canh tác và diện tích đất dân cư; giữa diện tích ruộng và diện tích đất vườn; giữa diện tích ruộng đất các tổng trong huyện; giữa các thôn, xã trong cùng tổng.

Tình hình phân bố diện tích ruộng và diện tích đất vườn giữa các tổng trong huyện, giữa các thôn, xã trong tổng theo tỉ lệ khác nhau. Điều này phụ thuộc vào diện tích khai khẩn và đặc điểm tự nhiên ở từng khu vực của huyện Hà Châu. Trong đó, ruộng đất canh tác nông nghiệp hầu hết được phân bố ở 5 tổng của Hà Châu nhưng đất dân cư phân bố chưa đều: tổng Nhuận Đức không có, còn tổng Hà Thanh có diện tích đất dân cư khá lớn.

Diện tích ruộng lúa được ghi nhận hầu hết trong tư liệu địa bạ Hà Châu (ngoại trừ Phú Quốc) với diện tích khá lớn 362/703 mẫu ruộng đất của huyện, song vẫn chiếm tỉ lệ thấp so với diện tích ruộng tỉnh Hà Tiên. Ở từng thôn, xã, tuy diện tích ruộng có sự chênh lệch nhất định tùy thuộc vào điều kiện đất đai nhưng có điểm chung là ruộng gò, ruộng giồng và hoàn toàn không có thảo điền. Đất đai huyện Hà Châu vẫn có thể trồng lúa nhờ sự lưu thông nguồn nước, mặc dù năng suất có thể thấp hơn so với các khu vực đất đai màu mỡ khác ở Nam Kỳ: *“những vùng thuận tiện giao thông, ngoại thương, gần nguồn nước ở thượng nguồn sông Hậu, hạ lưu sông Tiền, giáp vịnh Thái Lan và dọc sông Cửu Long (Hà Tiên – Kiên Giang), Định Tường (Tiền Giang), An Giang, Vĩnh Long (Cửu Long) là khu vực sầm uất nhất, lấy sản xuất lúa nước làm chính, vụ lúa nằm trọn trong mùa mưa, hoàn toàn nhờ nước trời”* [5, tr.26]. Qua đó đã phản ánh tình hình khó khăn trong canh tác nông nghiệp ở huyện Hà Châu nửa đầu thế kỉ XIX.

Diện tích đất vườn được phân bố với quy mô khá lớn 340/703 mẫu, chiếm 89,28% diện tích đất vườn của tỉnh Hà Tiên. Đất vườn được khai khẩn và đưa vào sử dụng với quy mô lớn vì thổ nhưỡng nơi đây thích hợp với một số loại cây trồng nhất định. Đặc biệt, nông sản ở huyện Hà Châu nổi tiếng với một số sản phẩm như dầu, cau, trà và làm muối, nhất là hồ tiêu, đã tạo nên đặc trưng riêng biệt của nông sản vùng này. Ngoài ra, thổ nhưỡng nơi đây còn thích hợp cho việc trồng một số loại cây ăn trái khác như sách *Thối thực kỷ văn* của Trương Quốc Dụng đã ghi nhận *“có thứ sơn trà cũng là loại xoài, nhánh và lá đều nhỏ, trái nhỏ hơn xoài muôm, ở Hà Tiên thì rất ngọt mà thơm, ở Quảng Bình trở ra bắc thơm mà rất chua”* [2, tr.162]. Riêng đảo Phú Quốc có địa hình núi đá thuộc hải đảo nên đất đai khó canh tác. Tuy vậy vẫn trồng được một số loại cây trồng như *“lúa nương, các thứ đỗ, ngô, quả dưa, mà lúa nếp rất ít”* [4, tr.168]. Song, theo địa bạ tổng Phú Quốc, huyện Hà Châu ghi chép, duy nhất thôn Tiên Tinh trồng hồ tiêu với diện tích hơn 6 mẫu. Điều này phản ánh thực tế lời nhận xét của vua Minh Mạng: *“chắc rằng Kinh Lược thần (Trương Đăng Quế) cũng không nhất thân đến tận nơi, chẳng qua đoán phỏng mà gượng gạo phân chia, bộ thần cũng cứ theo giấy mà châm chước lại. Xét về sự lý và nhân tình đều chưa thích đúng cả”* [11, tr.1001]. Đất đai ở huyện Hà Châu được khai thác khá mạnh trong canh tác nông nghiệp đã góp phần thay đổi diện mạo kinh tế nông nghiệp nơi đây ở nửa đầu thế kỉ XIX.

Nghiên cứu tình hình sử dụng ruộng đất ở huyện Hà Châu qua tư liệu địa bạ triều Nguyễn không chỉ phân tích được tình hình phân bố và mục đích sử dụng đất đai mà còn góp phần xem xét tính hiệu quả trong khai thác nguồn lợi đất đai ở địa phương dưới triều Nguyễn. Mặt khác, còn khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia và ổn định biên giới Tây Nam cả trên đất liền lẫn hải đảo của Việt Nam,

trong mối quan hệ với Chân Lạp và Xiêm dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX. Những ghi nhận về tình hình sử dụng ruộng đất ở huyện Hà Châu qua nguồn tư liệu địa bạ sẽ là cơ sở khoa học quan trọng trong nghiên cứu phân biện, nhằm bác bỏ những luận cứ bất hợp lý của các học giả trong tranh luận về vấn đề phân định biên giới giữa Campuchia và Việt Nam hiện nay.

4. Kết luận

Huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên là vùng đất mới được khai phá từ thế kỉ XVII, vì thế địa phận huyện tương đối lớn nhưng diện tích đất đai canh tác thực sự chưa nhiều. Tuy điều kiện tự nhiên nơi đây còn nhiều khó khăn, nhưng phần lớn đất đai được khai khẩn vẫn có thể trồng lúa và một số loại cây nông sản, chỉ một bộ phận đất đai nhỏ ở trung tâm huyện Hà Châu được dùng để xây dựng nhà cửa, phố chợ. Nhìn chung, ruộng đất ở huyện Hà Châu được ghi chép tương đối rõ ràng trong địa bạ triều Nguyễn, góp phần phản ánh tình hình khai thác và sử dụng nguồn quỹ đất đai của huyện. Đa số ruộng đất canh tác phân bố chưa đều giữa các tổng đã tạo ra sự chênh lệch khá cao về tỉ lệ và cơ cấu sử dụng, điều này đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế giữa các khu vực. Từ tình hình sử dụng ruộng đất đã phản ánh thực trạng nền kinh tế nông nghiệp huyện Hà Châu về cơ bản vẫn là kinh tế tiểu nông và manh mún. Qua nghiên cứu tình hình sử dụng ruộng đất ở huyện Hà Châu đã góp phần định hướng nghiên cứu mới về xác lập và thực thi chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Atlas Historique Des Six Provinces Du Sud Du Vietnam du milieu du XIX^e au début du XX^e siècle.

- [2] Trương Quốc Dụng, *Thối thực ký văn*, bản dịch Nguyễn Lợi & Nguyễn Đồng Chi, NXB Tân Việt, 1944.
- [3] Trương Minh Đạt, *Nghiên cứu Hà Tiên*, NXB Trẻ - Tạp chí Xưa & Nay, 2008.
- [4] Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch Đỗ Mộng Khương – Nguyễn Ngọc Tĩnh, NXB Giáo dục, 1998.
- [5] Kim Khôi, “Vài nét về quá trình khai thác nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 6 (201), 1981, trang 25 – 35.
- [6] Lê Văn Năm, “Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc – Hà Tiên hồi thế kỷ XIX”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 2 (309), 2000, trang 51 – 58.
- [7] Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Lê Hương dịch và chú thích, NXB Văn nghệ, 2007.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Viện Sử học, tập 5, NXB Thuận Hóa, 2006.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 2, NXB Giáo dục, 2006.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 3, NXB Giáo dục, 2006.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, tập 4, NXB Giáo dục, 2006.
- [12] Trung tâm lưu trữ quốc gia I, 44 đơn vị địa bạ huyện Hà Châu năm Minh Mạng thứ 17 (1836): Hoa Giáp thôn, Tiên Hưng thôn, Tiên Hưng Tây thôn, Tiên Long thôn, Tiên Phước thôn, Bình An thôn, Hòa Mỹ Đông thôn, Hòa Thuận thôn, Mỹ Đức xã, Tân Thạnh thôn, Thanh Long thôn, Thuận An thôn, Tiên Mỹ thôn, Tiên Quán xã, Tiên Thái thôn, Vỹ Sơn thôn, Cổ Tham xã, Đôn Hậu thôn, Hòa Luật thôn, Lộc Thị thôn, Mụ Sơn thôn, Nhượng Lộ thôn, Tầm Lai thôn, An Thái thôn, Cẩm Sơn thôn, Dương Đông thôn, Hàm Ninh thôn, Mỹ Thạnh thôn, Tân Tập thôn, Phú Đông thôn, Phước Lộc thôn, Thái Thạnh thôn, Tiên Tinh thôn, Cần Thu thôn, Côn Văn thôn, Dương Hòa thôn, Mông Mậu xã, Nam An thôn, Nam Hoa thôn, Sa Kỳ thôn, Thuận Đức thôn, Trà Câu thôn, Trác Việt thôn, Tư Ngải thôn. Kí hiệu hồ sơ: 16527:6, 16447:5, 16450:8, 16443:9, 16449:4, 16518:7, 16529:4, 16432:4, 16433:11, 16442:7, 16452:5, 16453:17, 16444:4, 16448:5, 16446:4, 16456:5, 16427:6, 16429:5, 16528:9, 16532:8, 16435:4, 16438:6, 16440:5, 16516:4, 16426:4, 16526:6, 16431:5, 16434:4, 16441:4, 16538:5, 16439:4, 16451:5, 16445:5, 16523:5, 16428:6, 16430:14, 16436:13, 16437:5, 16537:5, 16543:11, 16454:9, 16568:6, 16565:6, 16455:7.

(BBT nhận bài: 11/08/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 25/08/2017)